

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
KHOA HÀNG HẢI**



**THUYẾT MINH  
ĐỀ TÀI NCKH CẤP TRƯỜNG**

**ĐỀ TÀI  
NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG  
BỘ CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM BẰNG TIẾNG ANH CHO  
MÔN AN TOÀN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI**

**Chủ nhiệm đề tài: QUÁCH THANH CHUNG**

**Thành viên tham gia: LÊ THÀNH ĐẠT**

**Hải Phòng, tháng 5/2016**

# MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ THUYẾT .....	3
1.1. Cơ sở lý thuyết chung .....	3
1.1.1. Khái quát về môn học An toàn lao động Hàng hải.....	3
1.1.2. Học phần An toàn lao động Hàng hải trong thời gian trước đây.....	4
1.1.3. Nâng cao chất lượng giảng dạy theo các tiêu chuẩn.....	7
1.2. Cơ sở lý thuyết của việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên .....	13
1.2.1. Vai trò và chức năng của đánh giá kết quả học tập .....	15
1.2.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên.....	17
1.2.3. Các thao tác thiết kế và quy trình thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên.....	<b>Error! Bookmark not defined.3</b>
1.2.4. Quy trình tổ chức đánh giá kết quả học tập của sinh viên.....	<b>Error!</b>
	<b>Bookmark not defined.8</b>
CHƯƠNG 2 MỘT SỐ PHẦN MỀM SẴN CÓ SỬ DỤNG TRONG TẠO DỤNG ĐỀ THI VÀ QUẢN LÝ NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM..	30
2.1. Phần mềm Kentest .....	30
2.1.1. Giới thiệu chung về phần mềm.....	30
2.1.2. Ưu nhược điểm của phần mềm.....	31
2.2. Phần mềm TestPro .....	31
2.2.1. Giới thiệu chung về phần mềm.....	31
2.2.2. Ưu nhược điểm của phần mềm.....	32
2.3. Phần mềm McMix.....	32
2.3.1. Giới thiệu chung về phần mềm.....	32

2.3.2. Ưu nhược điểm của phần mềm.....	33
<b>CHƯƠNG 3 XÂY DỰNG CÂU HỎI THI CHO HỌC PHẦN AN TOÀN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI.....</b>	<b>35</b>
3.1. Nội dung có trong giáo trình An toàn lao động Hàng hải mới .....	35
3.2. Yêu cầu của đề thi.....	39
3.2.1. Cách đánh giá học phần .....	39
3.2.2. Xây dựng câu hỏi và đề thi .....	41
3.2.3. Một số câu hỏi nằm trong ngân hàng câu hỏi.....	43
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>48</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>50</b>

## DANH SÁCH HÌNH ẢNH

Hình 1 – Làm việc với hoa tiêu trên buồng lái .....	4
Hình 2 – Bộ tiêu chuẩn AUN-QA .....	9
Hình 3 – Giao diện phần mềm Kentest.....	30
Hình 4 – Giao diện phần mềm TestPro.....	32
Hình 5 – Giao diện phần mềm McMix .....	33
Hình 6 – Đồ bảo hộ cá nhân .....	37
Hình 7 – Đồ bảo hộ khi làm công việc tạo ra nhiệt .....	38

## DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1 – Môi quan hệ giữa kiểm tra và đánh giá .....	14
Sơ đồ 2 – Thao tác thiết kế và quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên .....	25

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Thực tế ngành hàng hải cho thấy tầm quan trọng của công tác giảng dạy và huấn luyện an toàn lao động cho người đi biển ngay từ khi còn đang trong thời gian học. Môn học An toàn lao động Hàng hải dành cho ngành Điều khiển tàu biển đã được các thầy giáo của khoa Hàng hải (trước kia gọi là khoa Điều khiển tàu biển) giảng dạy. Sau khi thầy giáo Lê Thanh Sơn [1] – cựu giảng viên bộ môn Điều động tàu soạn viết giáo trình “An toàn lao động Hàng hải” năm 2005 cho tới nay, môn học này đã nhiều lần được chỉnh sửa giáo trình, bài giảng nhằm mục đích cập nhật và thay đổi cách thức giảng dạy và học tập.

Cho đến trước giai đoạn năm học 2014-2015 môn học An toàn lao động Hàng hải vẫn sử dụng câu hỏi ôn tập cho đề thi bằng hình thức viết - tự luận. Hiện nay môn An toàn lao động Hàng hải đã được đăng ký giảng dạy bằng hai ngôn ngữ: tiếng Việt được sử dụng cho khối Điều khiển tàu biển thông thường và tiếng Anh được sử dụng cho khối thuộc lớp Chọn (DKT-CH) của khoa Hàng hải. Cả hai khối này khi kết thúc học phần đều thi trắc nghiệm với hai đề bằng tiếng Việt và tiếng Anh riêng rẽ cho từng khối.

Năm học 2016-2017 dự kiến giáo trình An toàn lao động Hàng hải hiện tại sẽ không sử dụng nữa. Bộ môn sẽ sử dụng tài liệu mới để giảng dạy học phần này, chính vì vậy bộ câu hỏi hiện đang sử dụng phần lớn sẽ không phù hợp với nội dung giảng dạy nữa, đòi hỏi phải có bộ câu thi trắc nghiệm khác phù hợp hơn với giáo trình sắp tới.

## 2. Tổng quan về tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài

Đề tài tuy không mang nhiều ý nghĩa về mặt khoa học nhưng lại đóng góp về tính thực tiễn. Hiện nay giáo trình để giảng dạy môn An toàn lao động Hàng hải cho năm học 2016-2017 đã hoàn thành phần giáo trình tiếng Anh, đang được tích cực chuyển soạn sang tiếng Việt phục vụ năm học mới. Chính vì vậy, hiện chưa có ngân hàng câu hỏi nào trùng với hướng thực hiện của đề tài.

### **3. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu xây dựng câu hỏi thi trắc nghiệm phục vụ cho thi hết học phần An toàn lao động Hàng hải.

Nội dung của bộ câu hỏi được lấy từ giáo trình An toàn lao động Hàng hải mới được soạn và các vấn đề xoay quanh tài liệu tham khảo cung cấp.

Trong thời điểm hiện tại, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu bộ câu hỏi mà không nghiên cứu đưa ra phần mềm phục vụ trộn và in sao đề.

### **4. Phương pháp nghiên cứu, kết cấu của công trình nghiên cứu**

Đề tài sử dụng phương pháp thu thập thông tin, lý luận biện chứng. Kết cấu của công trình sẽ là bộ câu hỏi phục vụ thi trắc nghiệm dạng khách quan.

### **5. Kết quả đạt được của đề tài**

Đề tài hoàn thành bao gồm bộ câu hỏi gồm 500 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi sẽ có 04 phương án trả lời.



# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 1.1. Khái quát về môn học An toàn lao động Hàng hải

#### 1.1.1. Khái quát về môn học An toàn lao động Hàng hải

Khái niệm “An toàn lao động” luôn được đặt lên hàng đầu trong tất cả các ngành lao động sản xuất song song với khẩu hiệu “An toàn là trên hết. Khái niệm này được hiểu đó là an toàn về sinh mạng và sức khỏe người lao động trong quá trình lao động sản xuất. Với các ngành nghề khác nhau sẽ có các quy định, quy tắc hay các hướng dẫn đảm bảo an toàn khác nhau, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh lao động.

Nhắc đến An toàn lao động Hàng hải, mới nhập trường có thể chưa hoàn toàn hiểu cụ thể môn học nói đến điều gì, hay nói cách khác khi chưa dung nạp đủ lượng kiến thức nền thì chưa đủ khả năng nhìn nhận trên góc độ an toàn nghề nghiệp. Thậm chí ngay cả một số người cũng nhầm tưởng về môn An toàn lao động Hàng hải, cho rằng các quy định hay hướng dẫn an toàn mà môn học này đem lại cũng không khác là bao so với an toàn lao động trong xưởng chế tạo cơ khí hay an toàn lao động cho công nhân, thợ điện... Quan niệm này có lẽ là sai lầm, bởi lẽ ngành nghề nào cũng có đặc thù riêng về tính chất và hoàn cảnh công việc cùng với yếu tố không thể thiếu là con người lao động cũng khác nhau. Do vậy, môn An toàn lao động Hàng hải không phải môn An toàn lao động cho ngành nghề khác kể cả các ngành Máy tàu biển và ngành Điện tàu thủy vốn là các ngành đào tạo người đi biển.

Môn An toàn lao động Hàng hải là môn học bắt buộc phải đăng ký trong thời gian quy định sẵn, chủ yếu đề cập tới các vấn đề lao động của thuyền viên ngành Boong, trong chừng mực có thể đề cập tới các vấn đề như sử dụng các trang thiết bị bảo hộ, an toàn khi làm việc trên boong, làm việc trên cao, làm việc trong các khoang ngăn kín, làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, thấp, an toàn khi lên xuống tàu, an toàn khi sử dụng dụng cụ,

thiết bị nâng hạ, an toàn khi sơn, an toàn khi làm các công việc tạo ra tia lửa, an toàn khi neo và buộc tàu, ...



*Hình 1 - Làm việc với hoa tiêu trên buồng lái  
(nguồn Marine Insight 2013)*

Môn An toàn lao động Hàng hải là môn học bắt buộc sinh viên phải đăng ký trong thời gian quy định sẵn, chủ yếu đề cập tới các vấn đề lao động của thuyền viên ngành Boong, trong chừng mực có thể đề cập tới các vấn đề như sử dụng các trang thiết bị bảo hộ, an toàn khi làm việc trên boong, làm việc trên cao, làm việc trong các khoang ngăn kín, làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, thấp, an toàn khi lên xuống tàu, an toàn khi sử dụng dụng cụ, thiết bị nâng hạ, an toàn khi sơn, an toàn khi làm các công việc tạo ra tia lửa, an toàn khi neo và buộc tàu, ...

### ***1.1.2. Học phần An toàn lao động Hàng hải trong thời gian trước đây***

Sách “An toàn lao động Hàng hải” (2005) của thầy giáo Lê Thanh Sơn [1] (Thuyền trưởng – cựu giảng viên bộ môn Điều động tàu) đã được sử dụng

làm giáo trình cho môn học An toàn lao động hàng hải trong thời gian khoảng 10 năm lại đây. Giáo trình đề cập tới các vấn đề rất gần với các nội dung đã được đề cập ở trên.

Quá trình giảng dạy học phần này được quy định chia làm hai phần lý thuyết và thực hành riêng biệt. Sinh viên sẽ sử dụng giáo trình được duyệt cho năm học để học tập trên lớp cũng như tự học ở nhà.

Thực tế nhiều năm qua, học phần An toàn lao động hàng hải quy định thi kết thúc học phần bằng hình thức thi viết (tự luận). Khối lượng kiến thức của môn học rất lớn, thêm vào đó sinh viên chưa tích lũy đủ kiến thức nền của ngành boong và chưa có kinh nghiệm lao động trên biển nên phần lớn các em cho dù có thi hết môn chẳng nữa nhưng khi tốt nghiệp ra trường kiến thức sẽ rơi rụng nhiều. Hình thức thi tự luận cũng có nhược điểm đôi khi dẫn các em tới quá trình học vẹt máy móc.

Chính vì vậy, năm học 2014-2015 bộ môn Điều động tàu đã quyết định chuyển đổi hình thức thi hết học phần của môn học này sang hình thức thi trắc nghiệm câu hỏi đa phương án. Bước đầu thực hiện thay đổi hình thức giảng dạy và thi kết thúc học phần đã thu được nhiều tín hiệu tích cực. Giảng viên lên lớp đã có thể giảm tải được lượng kiến thức lớn cần truyền thụ theo hình thức cũ chuyển sang hướng dẫn các em theo hình thức mới, có điều kiện giảng giải sâu hơn các phần mà không hiểu hoặc trong quá trình tự học gặp bế tắc. Việc học tập và thi kết thúc học phần theo kiểu mới cũng tránh cho sinh viên học theo kiểu thụ động máy móc đồng thời giảm tải được khối lượng làm việc cho giảng viên cuối mỗi học kỳ, bài thi trắc nghiệm có thời gian chấm chỉ bằng 1/10 so với bài thi tự luận trước đây, đồng thời quá trình giám sát kỳ thi cũng diễn ra thuận lợi. Số lượng câu hỏi lớn khiến tình trạng quay cóp, làm phao pháo khi đi thi giảm mạnh. Bài thi trắc nghiệm kết thúc học phần cũng thu được sự đồng thuận từ phía sinh viên do đã giúp các em giảm thiểu được khối lượng phải học

thuộc lòng, từ chỗ phải học thuộc để trình bày bài thì giờ đây các em chỉ cần hiểu đã có thể làm được bài.

Tới thời điểm năm học 2014-2015 khoa Hàng hải đã có thêm lớp chọn học bằng tiếng Anh nên bộ môn Điều động tàu được trao nhiệm vụ soạn giáo trình, bài giảng và câu hỏi thi học phần An toàn lao động hàng hải hoàn toàn bằng tiếng Anh. Bộ môn đã nhanh chóng quyết định chuyển đổi giáo trình, câu hỏi đang sử dụng thời điểm đó bằng tiếng Việt đưa chuyển sang tiếng Anh toàn bộ nhằm phục vụ kỳ thi. Tuy rằng việc học tập chuyên môn bằng ngoại ngữ là tương đối khó khăn nhưng việc thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm cũng giúp đỡ rất nhiều. Sau khi thi xong các em có phát biểu phản hồi rằng nếu như không phải thi bằng hình thức trắc nghiệm, kể cả họ có hiểu bài nhưng việc trình bày bài sẽ không thể toàn vẹn như ý muốn. Hình thức thi trắc nghiệm đã phần nào khắc phục được nhược điểm đó cho lớp chọn ngành Điều khiển tàu biển.

Tuy nhiên, cũng cần phải nhìn nhận trong hơn 10 năm thời gian qua (tính từ thời điểm thầy Lê Thanh Sơn [1] soạn bài giảng cho học phần này, ngành hàng hải đã có bước chuyển biến rõ rệt qua đó cần phải nhìn nhận bài giảng này hiện nay phần lớn đã không còn phù hợp để giảng dạy cho nữa. Sinh viên trước khi ra trường cần tiếp nhận các kiến thức đã được cập nhật. Tuy rằng các thời điểm cập nhật cho giáo trình bài giảng đã được nhà trường ấn định từ trước và bộ môn Điều động tàu cũng hết sức cẩn thận trong quá trình này. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay, xét thấy mức độ cần thiết phải có một bài giảng mới phù hợp hơn với hoàn cảnh hiện tại để giảng dạy cho, bộ môn đã quyết định soạn một bài giảng mới để thực hiện giảng dạy ngay trong kỳ 1B năm học 2016-2017 tới đây.

Do có sự thay đổi giáo trình, bài giảng cho môn học nên không thể không nhắc đến việc thay đổi ngân hàng câu hỏi phục vụ thi hết học phần. Đó chính là mục đích để đề tài này được thực hiện. Nhiệm vụ cũng không

hoàn toàn khó khăn nhưng đòi hỏi phải khắc phục được những nhược điểm trước đó.

Các đề thi trắc nghiệm của môn An toàn lao động hàng hải mới sử dụng được 01 năm, vẫn còn sớm để nói việc sử dụng bộ câu hỏi thi này có quá nhiều nhược điểm nhưng hiện tại có thể nói ra một số nhược điểm như sau:

- Các câu hỏi phụ thuộc vào giáo trình An toàn lao động Hàng hải (2005) [1] nên cũng tồn tại luôn nhược điểm của giáo trình này là không còn hoàn toàn phù hợp.
- Ngân hàng câu hỏi cũng tương đối hạn hẹp với 230 câu hỏi, khó để có thể phân loại chất lượng học tập của .
- Đánh giá khả năng tự học của còn thấp do lý do tương tự như trên là ngân hàng câu hỏi hạn hẹp.
- Cách thức tính điểm bài thi trắc nghiệm cũng chưa hợp lý khiến số lượng coi thường việc học không giảm đi, điều này có thể diễn giải cụ thể hơn ở phần sau của đề tài (Chương 3)

Trên đây là một số lý do hướng đến mục đích làm đề tài từ góc độ bài giảng và đề thi. Tiếp theo dưới đây sẽ đề cập tới một vấn đề khác nằm ở góc độ nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

### ***1.1.3. Nâng cao chất lượng giảng dạy các theo tiêu chuẩn***

Giáo dục bậc đại học luôn đóng một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của bất cứ đất nước nào. Vì lý do đó mà các trường đại học, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trọng đại của mình phải luôn luôn để tâm đến hai vấn đề trọng tâm đó chính là chất lượng và trách nhiệm. Trong đó, chất lượng liên quan đến quá trình đảm bảo và cải tiến liên tục của nhà trường nhằm cung cấp các dịch vụ giáo dục có chất lượng; còn trách nhiệm là việc thể hiện sự cam kết về mặt chất lượng các dịch vụ mà nhà trường cung cấp đối với các bên liên quan như chính

quyền, xã hội, bản thân sinh viên, và nhà tuyển dụng, ... Nói đến những điều này thì vấn đề chất lượng không phải là vấn đề hoàn toàn mới, bởi nó luôn là một phần quan trọng của giáo dục truyền thống, là yêu cầu bức thiết để sinh viên tìm đến. Tuy nhiên, nó trở nên quan trọng khi có sự gia tăng về số lượng các trường đại học và sự đa dạng về chất lượng trong đào tạo đại học.

Ngay từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, qua 60 năm tồn tại và phát triển (1956-2016) nhà trường vẫn luôn quan tâm để mắt tới sứ mạng của mình là đào tạo nguồn nhân lực phục vụ ngành kinh tế biển của đất nước. Đồng thời cũng luôn gắn chặt sứ mạng đó với vấn đề đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập. Ngoài việc cải thiện cơ sở vật chất phục vụ học tập và giảng dạy, nhà trường còn chú trọng về mặt đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công cuộc giáo dục đại học trong thời đại mới.

Tuy nhiên, nếu chỉ nói về mặt chất lượng mà không chú trọng đến công tác này một cách thực chất thì thật khó để đảm bảo được chất lượng một cách thực sự. Điều này đòi hỏi phải có một đơn vị, cơ quan chuyên biệt làm về công tác kiểm định chất lượng giúp đỡ nhà trường trong công việc này. Nói một cách khác, để đảm bảo chất lượng thì việc cải thiện, nâng cao cơ sở vật chất và nâng cao trình độ giảng dạy chưa đủ để đảm bảo về mặt chất lượng. Và việc kiểm định chất lượng giáo dục cũng cần phải có được sự chứng thực đảm bảo ở tầm quốc gia, khu vực hay quốc tế. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam hiện đang đẩy mạnh việc kiểm định để đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng AUN [2] (Asean University Network) cũng như tiêu chuẩn đánh giá của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam ban hành [3].



*Hình 2 - Bộ tiêu chuẩn AUN-QA*

Bộ tiêu chuẩn Bộ tiêu chuẩn AUN-QA [2] (Asean University Network – Quality Assessment) bao gồm những tiêu chuẩn sau:

1. Kết quả học tập dự kiến
2. Bảng mô tả chương trình đào tạo
3. Nội dung và cấu trúc chương trình
4. Chiến lược dạy và học
5. Đánh giá
6. Chất lượng đội ngũ giảng viên
7. Chất lượng đội ngũ hỗ trợ
8. Chất lượng
9. Tư vấn và hỗ trợ
10. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

11. Quá trình đảm bảo chất lượng dạy và học
12. Hoạt động phát triển đội ngũ
13. Phản hồi của các bên liên quan
14. Đầu ra
15. Sự hài lòng của các bên liên quan.

Bộ tiêu chuẩn của Việt Nam về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [3] do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đưa ra gồm 11 tiêu chuẩn:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
2. Bản mô tả chương trình đào tạo
3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học
4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học
5. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên
6. Chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học
7. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ
8. Chất lượng sinh viên và hoạt động hỗ trợ sinh viên
9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị
10. Nâng cao chất lượng
11. Kết quả đầu ra

Chúng nhận đảm bảo các tiêu chí từ các tổ chức kiểm định nêu trên, dưới con mắt khách quan của các chuyên gia kiểm định sẽ chứng thực chất lượng giáo dục của nhà trường đồng thời cũng góp phần xây dựng, củng cố giúp cải thiện chất lượng đào tạo của nhà trường hơn nữa. Đó cũng là mục tiêu chính của việc đánh giá chất lượng.

Việc giảng dạy có chất lượng hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Thủ tướng chính phủ ra quyết định đẩy mạnh việc thay đổi “căn bản và toàn



diện giáo dục đại học Việt Nam” mà việc thay đổi toàn diện thì phải căn cứ vào phương pháp giảng dạy, giáo trình và bài giảng để hướng trọng tâm vào sinh viên hay cũng chính là nâng cao chất lượng học tập.

Việc thay đổi bài giảng phù hợp hơn không có nghĩa là thay đổi hoàn toàn mục đích của bài giảng mà thực ra là công tác soạn bài giảng phù hợp với yêu cầu của hoàn cảnh công việc, thực tế xã hội đòi hỏi. Hay nói một cách khác là điều chỉnh mục tiêu học tập mà học phần hướng đến. Cụ thể là việc đảm bảo các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp mà sinh viên sẽ thu nhận được sau khi kết thúc học phần.

Để đảm bảo được mục tiêu này thì không thể không nhắc đến công tác đánh giá việc học tập của sinh viên, thông qua đó, mục tiêu học tập có được đảm bảo hay không. Biết được việc đánh giá đó, mục tiêu học tập sẽ được điều chỉnh sao cho phù hợp hơn nữa. Điều này góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho trường đại học hay nói cách khác là đảm bảo của nhà trường về chất lượng dịch vụ giáo dục nhà trường mang lại.

Vấn đề mục tiêu giáo dục hiện nay vẫn còn đang được bàn luận nhiều. Mục tiêu là cái đích đặt ra, mô tả kết quả sau khi hành động. Mục tiêu mang đến cái đích trực tiếp cho quá trình giáo dục và là cơ sở cho những quyết định cần thiết trong quá trình đó. Mục tiêu giáo dục phản ánh kết quả cần đạt được trong thực tiễn giáo dục. Trong lĩnh vực giáo dục, một quá trình đánh giá được thực thi nhằm chủ yếu đo mức độ đạt được các mục tiêu giáo dục.

\*Mục đích chính của giáo dục là hướng tới cái đích mong muốn, và đạt được kết quả mong muốn, là kết quả đã được tiên liệu trước một cách khái quát mang tác dụng định hướng chung nhất cho các hoạt động liên quan. Hiểu một cách cơ bản thì như vậy mục đích giáo dục có ý nghĩa như mục tiêu mang tính tổng quát. Trần Kiều và A.J.Nitko [6] hai chuyên gia thành công trong lĩnh vực tổ chức giáo dục nhắc đến mục tiêu giáo dục như sau:

*“mục tiêu giáo dục nói đến kết quả giáo dục cần phải đạt được trong thực tế và chắc chắn cần đạt được trong phạm vi hoạt động nhất định” [6].*

Mục đích giáo dục và mục tiêu giáo dục có nét tương đồng khi cả hai đều nói đến *“kết quả mong muốn đạt được của hoạt động giáo dục, giảng dạy, học tập”*[6]. Mục đích giáo dục và mục tiêu giáo dục cũng đều được thể hiện mối quan hệ phù hợp trên các mức độ khác nhau như ở *“quy mô, giới hạn và cấp độ hoạt động”* [6].

Tuy nhiên thực tế ở đây phải phân biệt riêng mục đích giáo dục và mục tiêu giáo dục của cả hệ thống giáo dục hoàn chỉnh, của *“các bậc học, các bộ phận cấu thành quá trình giáo dục, các hoạt động cụ thể, các môn học, các chương, các bài học, thể hiện sự liên hệ chặt chẽ, logic”*.

Mục tiêu giáo dục mang những thành quả đã tiên liệu trước được xem như một sự vật rõ ràng và đầy đủ. Khi thiết kế mục tiêu giáo dục cần thể hiện sao cho mục tiêu thực hiện được cả hai chức năng, *“chức năng chỉ đạo cách tổ chức thực hiện các quá trình giáo dục”* và *“chức năng làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả giáo dục một cách chuẩn xác”* [6].

Trong số những vai trò của mục tiêu giáo dục thì quan trọng nhất chính là cung cấp những bằng chứng cùng các tiêu chí phục vụ cho quá trình đánh giá. Khi các mục tiêu được công bố một cách rõ ràng thì khi đó việc đánh giá sẽ ít sai sót hơn đồng thời cũng ít mang tính ngẫu nhiên hơn.

*“Mục tiêu có tác dụng hướng dẫn hành động sư phạm, đối với cả giảng viên và sinh viên để họ tự xác định vị trí so với mục đích đang theo đuổi. Mục tiêu còn được sử dụng làm căn cứ cho việc lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật, phương tiện để cải tiến hoạt động giáo dục”* [6].

Mục tiêu học tập trung gian sẽ có mục đích tương đối hẹp hơn so với mục tiêu học tập chung. Trong khi đó, một mục tiêu đặc thù có mục đích được đặt ra lại có liên quan đến *“sự biến đổi ứng xử của sinh viên sau một thời gian học tập”* [6], hay nói cách khác đối tượng để mục tiêu đặc thù đó nhắc đến, tác động đến chính là sinh viên. Khi đó, mục tiêu đặc thù cần

phải được đặt ra để mô tả được những gì sinh viên phải hiểu, phải biết và phải làm được, và phải mô tả được những gì tạo đủ bằng chứng cho quá trình đánh giá để minh chứng cho việc sinh viên đã học tập thay vì đi mô tả những gì mà giảng viên làm để “giúp” sinh viên trang bị kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Khái niệm này ngày nay giúp thay đổi hoàn toàn vai trò của giảng viên khi lên lớp, chúng ta sẽ không nhìn thấy những cụm từ mang nghĩa không rõ ràng, định lượng đại loại như “giúp sinh viên nắm được...”, “trang bị cho sinh viên...”,...

Đồng thời, ở cấp độ nói trên, khi sử dụng khái niệm mục tiêu học tập là để nhấn mạnh tầm quan trọng về mức độ thay đổi của sinh viên sau khi học tập, quá trình đánh giá cũng đòi hỏi phải biết được sinh viên thực tế đang ở khoảng cách như thế nào với mục tiêu học tập đã đề ra.

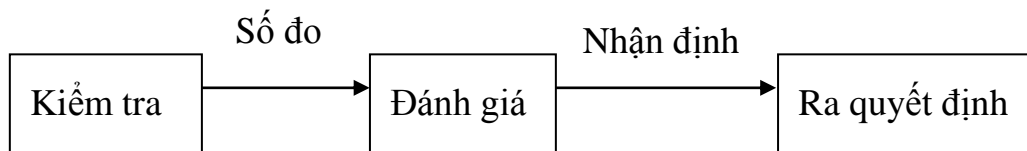
Khi miêu tả xác định trước sự thay đổi được ở sinh viên, mục tiêu học tập *“không chỉ đơn giản là kết quả đã dự kiến trước mà nó còn chứa đựng sự thống nhất của người dạy và sinh viên trong việc đạt tới mục đích chung”* [6]. Mục tiêu học tập cần vạch rõ cho sinh viên những gì mà họ phải làm, định hướng cho họ qua tất cả các giai đoạn của quá trình học tập, việc này sẽ làm cho họ chủ động hơn trong việc nỗ lực tự phấn đấu. Để làm được điều đó, ngay trong các giáo trình, các bài giảng, giảng viên phải xác định rõ ràng các mục tiêu học tập. Những mục tiêu này đã được xác định rõ ràng đó sẽ thể hiện những đối tượng và mức độ để đánh giá hay làm cơ sở để hình thành nên các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá.

## **1.2. Cơ sở lý thuyết của việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

Để đảm bảo được mục tiêu chất lượng nêu trên thì không thể không nhắc đến công tác đánh giá việc học tập của sinh viên, thông qua đó, mục tiêu học tập có được đảm bảo hay không. Biết được việc đánh giá đó, mục tiêu học tập sẽ được điều chỉnh sao cho phù hợp hơn nữa. Điều này góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho trường đại học hay nói cách khác là

đảm bảo của nhà trường về chất lượng dịch vụ giáo dục nhà trường mang lại.

Kiểm tra và đánh giá có mối quan hệ qua lại rất gần gũi và khăng khít với nhau. Kiểm tra tác động trực tiếp lên đối tượng được đánh giá, tức , và đem lại những "số đo", chất liệu cần thiết cho khâu đánh giá thể hiện cụ thể ở sơ đồ sau:



Sơ đồ 1 - Mối quan hệ giữa kiểm tra và đánh giá

Các số đo thu thập từ khâu kiểm tra sẽ làm nền tảng cho khâu đánh giá. Sản phẩm của khâu đánh giá là những nhận định về thực trạng của những mục tiêu đánh giá. Khâu ra quyết định là khâu cuối cùng và rất quan trọng của quy trình đánh giá. Dựa vào những nhận định từ những khâu trước và những tiêu chí ban đầu, giảng viên có thể đưa ra những quyết định cần thiết. Như vậy chất liệu cho những quyết định cuối cùng là những nhận định về những kết quả thu được từ khâu kiểm tra.

Kết quả mà sinh viên đạt được sau khi trải qua quá trình đào tạo ở đại học là cơ sở quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả đào tạo và chất lượng của một quá trình đào tạo đó. Việc so sánh, đối chiếu kiến thức, kỹ năng và thái độ mà sinh viên thực tế đã đạt được với các kết quả mong đợi có trong mục tiêu giảng dạy chính là sự đánh giá kết quả học tập.

Kết quả học tập được phản ánh trong kết quả kiểm tra định kì, kết quả của các kỳ thi, thành quả của các công trình nghiên cứu, khi đó kết quả này

được thể hiện thường thấy nhất là bằng điểm số theo quy định của thang điểm, kể đến là các mức xếp loại của bằng cấp, các nhận xét đánh giá,...Đánh giá nói chung phải dựa vào sự phản ánh của nhiều loại bằng chứng khác nhau.

### ***1.2.1. Vai trò và chức năng của việc đánh giá kết quả học tập***

Nói đến quá trình dạy học không thể không nhắc đến một bộ phận cấu thành quan trọng là đánh giá. Đánh giá *“không chỉ là hoạt động chấp nói thêm vào sau bài giảng mà nó có quan hệ hợp thành với việc ra quyết định của giảng viên, đánh giá đúng đắn, chính xác sẽ cung cấp cho giảng viên thông tin để ra quyết định hiệu quả hơn”* [6], ý nghĩa quan trọng của quyết định đó là giúp cho giảng viên đi đến những quyết định phù hợp hơn, nâng cao hiệu quả giảng dạy trong quá trình dạy học.

Việc đánh giá thông báo kịp thời cho sinh viên sẽ giúp họ nắm bắt được tiến bộ của mình, động viên và kích lệ họ cố gắng nhiều hơn, thúc đẩy họ học tập tốt hơn, nâng cao trách nhiệm của mình trong học tập. Kết quả kiểm tra đánh giá cũng chỉ cho họ thấy những thiếu sót, nội dung nào chưa tốt, nội dung nào cần bổ sung kiến thức, học lại ... Việc đánh giá này được tiến hành tốt giúp cho họ có cơ hội để củng cố tri thức, phát triển trí tuệ, đồng thời cũng tạo cho họ thói quen và nhu cầu tự đánh giá để tự nâng cao tinh thần trách nhiệm, tôi luyện ý chí của họ trong việc vươn lên trong học tập và rèn luyện.

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên có tác động tới tới phương pháp học của họ cũng có tác động tới phương pháp dạy của giảng viên. Tác động này đòi hỏi giảng viên và sinh viên phải thay đổi cách học để thể hiện được được kết quả học tập thực sự đạt được yêu cầu về nội dung trong kiểm tra đánh giá.

Đánh giá giúp cho các nhà quản lý giáo dục cho ra những quyết định hoàn thiện và cải tiến nội dung và hay chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học. Trong một quá trình dạy học nói chung, mỗi khi sử dụng tài liệu phương

pháp, phương tiện nào để biết được có phù hợp và hiệu quả không thì đều phải trải qua quá trình tiến hành và cho ra được kết quả, kết quả này “*thông qua đánh giá để đi đến quyết định là nên được tiếp tục hay cần thay đổi, chính quá trình đánh giá sẽ cung cấp cơ sở cho sự phán xét này*” [6].

Xác nhận và điều chỉnh là hai chức năng cơ bản của đánh giá kết quả học tập của sinh viên đại học.

- *Xác nhận: nhằm mục đích xác định mức độ mà sinh viên đã đạt được trong các mục tiêu học tập, nó cung cấp những số liệu để thừa nhận hay bác bỏ sự hoàn thành hay chưa hoàn thành môn học hay khoá học, để đi đến quyết định. Quyết định đó là tiếp tục học lên hoặc cấp chứng chỉ, cấp bằng... hoặc nhằm xếp loại sinh viên theo mục đích nào đó, thường tiến hành sau một giai đoạn học tập. Chức năng này có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt, đặc biệt là về ý nghĩa xã hội của nó, thể hiện tính hiệu quả của một hệ thống đào tạo. Việc đánh giá này đòi hỏi phải thiết lập một ngưỡng trình độ tối thiểu và xác định đúng vị trí kết quả của sinh viên với ngưỡng này.*
- *Với chức năng chẩn đoán, đánh giá nhằm hỗ trợ việc học tập bởi vì học tập diễn ra trong một thời gian khá dài, sinh viên thường khó bảo toàn tất cả kiến thức đã thu được, đó là tình trạng rơi rụng kiến thức thường thấy và nó ngày càng tăng do khối lượng kiến thức tăng lên, như vậy phải xem xét đến các giai đoạn của tiến trình này để các giai đoạn đó được kết nối với nhau nhờ sự đánh giá, chúng được thực hiện theo một tuyến hành trình như: các mục tiêu, các tình huống học tập, các đánh giá bộ phận. Đánh giá chẩn đoán nhằm hỗ trợ việc học tập của sinh viên, cung cấp cho sinh viên những tín hiệu từ việc học tập của họ, từ đó giúp họ khắc phục những thiếu sót, điều chỉnh cách học cho phù hợp. Đánh giá chẩn*

đoán được tiến hành thường xuyên, đặt sinh viên trước trình độ học lực của họ, đồng thời tạo điều kiện giúp đỡ cho họ để cải thiện nâng cao về số lượng và chất lượng, do vậy nó có tính chất thúc đẩy, củng cố, mở rộng và nâng cao chất lượng tri thức.

### **1.2.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

#### **a. Phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận**

Phương pháp kiểm tra viết bài tự luận là phương pháp sử dụng hình thức bài viết tự luận để thu thập thông tin phản hồi nhằm đánh giá kết quả học tập của sinh viên, chúng đòi hỏi sử dụng nhận xét, phán xét và diễn giải của người chấm trong việc cho điểm, gồm các loại câu hỏi kiểm tra trả lời mở rộng hay có cấu trúc.

Loại bài tự luận có ưu điểm sau :

- Khả năng lập luận, sắp đặt hay phác họa;
- Khả năng thẩm định, bình luận
- Khả năng chọn lựa các kiến thức, ý tưởng quan trọng và tìm mối quan hệ giữa các kiến thức ý tưởng ấy;
- Khả năng thể hiện hay diễn đạt các ý tưởng sáng tạo.

Loại câu hỏi luận có thể dùng kiểm tra đánh giá các mục tiêu liên quan đến thái độ, sự hiểu biết những ý niệm, sở thích, và tài diễn đạt tư tưởng.

Phương pháp kiểm tra viết bằng tự luận có các hạn chế sau :

- Không có khả năng đo lường tri thức về sự kiện hoặc kỹ năng hành động một cách hữu hiệu.
- Các câu trả lời thường dài, tốn thời gian trình bày, diễn đạt bằng văn viết. Sinh viên dễ quay cóp và có thể khéo léo tránh đề cập những điểm không hiểu rõ.
- Việc chấm điểm thường mất nhiều thời gian. Kết quả phụ thuộc vào người chấm.

Yêu cầu đối với phương pháp kiểm tra viết dạng bài tự luận:

- Câu hỏi kiểm tra cần được diễn đạt một cách rõ ràng, chú ý đến cấu trúc về ngữ pháp. Từ ngữ lựa chọn phải chính xác.
- Cần xác định được thời gian cần cho việc trả lời câu hỏi, đối với những câu trả lời giới hạn, có thể dễ ước lượng thời gian trả lời cho mỗi câu, còn đối với những câu trả lời mở rộng, khó hơn trong việc ước lượng thời gian cần thiết, do đó câu hỏi cần đảm bảo cho sinh viên viết chậm cũng có thể hoàn thành được bài viết.
- Một trong những cách có thể cải tiến câu tự luận để nâng cao độ tin cậy là tăng số câu hỏi trong bài kiểm tra, giảm độ dài ở phần trả lời của mỗi câu, những câu quá dài và tổng quát có thể phân ra làm nhiều câu hỏi ngắn, có giới hạn độ dài của mỗi câu.
- Khi tổ chức cho sinh viên làm bài cần phải có những biện pháp để tránh được các yếu tố gây nhiễu từ bên ngoài. (tiếng ồn, ánh sáng và các yếu tố gây nhiễu khác).
- Cần xác định thang điểm một cách chuẩn xác và chi tiết, trong đó đưa ra những câu trả lời có thể chấp nhận được và trọng số cho từng câu trả lời. Cần phải có một bảng hướng dẫn nêu rõ những khái niệm, những ý tưởng, những lập luận, khối lượng dài ngắn và một số vấn đề khác tạo nên một bài trả lời chấp nhận được. Mặt khác, cần có dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm, để có cách xử lý và cho điểm.

#### *b. Phương pháp trắc nghiệm khách quan*

*Một bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản, hay một từ, một cụm từ, do đó có nhiều câu hỏi trong một bài trắc nghiệm.*

*Trong lĩnh vực giáo dục có nhiều cách phân loại trắc nghiệm, mỗi cách phân loại đều dựa trên những cơ sở nhất định. Theo dạng thức của bài trắc nghiệm có trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận.*



## **\* Các loại câu trắc nghiệm khách quan**

### **Câu nhiều lựa chọn**

Là loại câu thông dụng nhất, loại câu này bao gồm hai phần là phần câu dẫn và phần lựa chọn. Phần câu dẫn là một câu hỏi hay một câu bỏ lửng (câu chưa hoàn tất) tạo cơ sở cho sự lựa chọn. Phần lựa chọn gồm nhiều phương án trả lời. Người trả lời sẽ chọn một phương án trả lời duy nhất đúng hoặc đúng nhất, hoặc không có liên quan gì nhất trong số các phương án cho trước. Những phương án còn lại là phương án nhiễu.

### **Loại câu đúng - sai**

Câu trắc nghiệm loại này thường bao gồm một câu phát biểu để phán đoán và đi đến quyết định là đúng hay sai. Loại câu này là dễ soạn đối với giảng viên và được tiến hành nhanh chóng đối với sinh viên.

### **Câu trả lời ngắn**

Câu trả lời ngắn được trình bày dưới hình thức một câu hỏi và được trả lời bằng một, hay một cụm từ.

### **Câu điền vào chỗ trống**

Được trình bày dưới hình thức một câu phát biểu chưa đầy đủ. Nếu như cho trước một số phương án lựa chọn để điền vào chỗ trống thì nó cũng gần giống như câu nhiều lựa chọn, câu điền vào chỗ trống cũng là một dạng của câu trả lời ngắn.

### **Câu ghép đôi**

Loại câu ghép đôi thường bao gồm hai dãy thông tin gọi là các câu dẫn và các câu đáp. Hai dãy thông tin này có số câu không bằng nhau, một dãy là danh mục gồm các tên hay thuật ngữ và một dãy là danh mục gồm các định nghĩa, đặc điểm v.v... Nhiệm vụ của người làm bài là ghép chúng lại một cách thích hợp.

Mỗi loại câu ở trên đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định, trong quá trình kiểm tra, đánh giá cần xem xét chúng trong hoàn cảnh cụ thể để lựa chọn và sử dụng cho phù hợp với các mục tiêu đo lường và đánh giá.

*Sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan trong đánh giá kết quả học tập có khả năng đo được các mức độ của nhận thức (biết, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Một trong những ưu điểm nổi bật của phương pháp trắc nghiệm khách quan là điểm số có độ tin cậy cao. Bài trắc nghiệm bao quát được phạm vi kiến thức rộng nên đại diện được cho nội dung cần đánh giá.*

*Tuy nhiên phương pháp trắc nghiệm khách quan cũng có một vài hạn chế, dùng bài trắc nghiệm khách quan sẽ khó khăn trong việc đo lường khả năng diễn đạt, sắp xếp, trình bày và đưa ra ý tưởng mới.*

*Quá trình chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm là khó khăn và mất nhiều thời gian, đồng thời việc tiến hành xây dựng câu hỏi cần tuân theo những bước chặt chẽ hơn so với câu tự luận.*

#### ***\* Yêu cầu khi sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan***

*Lựa chọn phương pháp trắc nghiệm khách quan cần căn cứ vào mục đích đánh giá, đối tượng đánh giá và các điều kiện cụ thể, cũng như khả năng mà trắc nghiệm có thể đo lường và đánh giá được các mục tiêu đã xác định.*

*Có một hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm đảm bảo được yêu cầu về các chỉ số của câu trắc nghiệm. Không phải chỉ đối với trắc nghiệm tiêu chuẩn hoá được sử dụng trên phạm vi rộng, mà các trắc nghiệm do giảng viên soạn để đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong một trường hay một lớp học cũng cần được xây dựng một cách cẩn thận. Hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm cần được quản lý một cách khoa học.*

*Các câu trắc nghiệm khi thiết kế vào bài trắc nghiệm phải đại diện được cho nội dung cần đánh giá, sắp xếp câu trắc nghiệm theo từng chủ đề và từ dễ cho đến khó. Quá trình tiến hành trắc nghiệm cần được tiến hành cẩn thận*

*Hướng dẫn chu đáo về cách thức làm bài trắc nghiệm trước khi tiến hành làm trắc nghiệm. Đối với các kỳ thi triển khai trên một diện rộng, việc*

*chấm điểm bài trắc nghiệm được thực hiện bằng máy chấm theo một qui trình chặt chẽ.*

Với điều kiện hiện tại, Bộ môn Điều động tàu (nay là bộ môn Cơ sở Hàng hải, thuộc khoa Hàng hải) đã quyết định lựa chọn phương pháp này để đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Điều khiển tàu biển)

### **c. Phương pháp vấn đáp**

Vấn đáp là một phương pháp kiểm tra - đánh giá sử dụng các câu hỏi trực tiếp (hỏi- đáp) để thu nhận các thông tin phản hồi về các đặc khả năng, thái độ, nhân thức... của người trả lời.

Ưu điểm của phương pháp này là :

- Cho thông tin phản hồi trực tiếp và nhanh chóng. Loại hình câu hỏi đa dạng và có khả năng sử dụng linh hoạt trong các tình huống khác nhau
- Vừa định tính vừa định lượng được cả kiến thức, kỹ năng và thái độ
- Có độ chính xác tương đối cao, có giá trị giáo dục nhiều mặt, bổ sung kiến thức, ít tốn thời gian
- Rèn luyện năng lực tư duy và khả năng phản ứng, lập luận diễn giải bằng lời tức thời của sinh viên .

Nhược điểm của phương pháp này là :

- Tốn thời gian nếu số lượng sinh viên đông
- Thông tin trả lời mang nặng tính chất suy nghĩ chủ quan của người trả lời.
- Dễ bị sai lệch bản chất.
- Khó lưu giữ thông tin trả lời.
- Chỉ hỏi được từng khía cạnh của vấn đề.
- Chịu ảnh hưởng của môi trường, ngoại cảnh và thái độ của người hỏi và tâm thế của người trả lời. Không hỏi được nhiều người trong cùng một lúc.

### **\*Yêu cầu khi sử dụng phương pháp vấn đáp**

Câu hỏi phải chính xác, rõ ràng, sát với trình độ của sinh viên, diễn đạt câu đúng ngữ pháp, gọn gàng sáng sủa, câu hỏi phải có tác dụng kích thích tích cực, độc lập tư duy. Phải có từ hai người hỏi thi trở lên tham gia để đảm bảo tính khách quan.

#### **d. Phương pháp quan sát**

Quan sát là một phương pháp kiểm tra -đánh giá sử dụng tri giác (trực tiếp hoặc gián tiếp) để thu nhận các thông tin phản hồi về các đặc điểm, tính chất, trạng thái. của các đối tượng cần đánh giá. Phương pháp này thường sử dụng để quan sát kỹ năng, sản phẩm, thái độ.

Ưu điểm của phương pháp này là :

- Cho thấy hình ảnh cụ thể của đối tượng cần đánh giá ( hành vi, hoạt động, trạng thái..vv )
- Có thông tin trực tiếp, trung thực và nhanh chóng
- Có khả năng tìm hiểu được nhiều khía cạnh của đối tượng quan sát.  
Rất tốt cho kiểm tra thực hành

Tuy nhiên quan sát có một số nhược điểm sau :

- Thông tin phản hồi mang nặng tính chất định tính, bề ngoài, hình thức khó thấy bản chất.
- Chịu ảnh hưởng của môi trường, ngoại cảnh và thái độ của người quan sát.
- Khó quan sát khi đối tượng đông và có nhiều hoạt động phức tạp.
- Tốn thời gian khi cần đánh giá quá trình.

### **\*Yêu cầu khi sử dụng phương pháp này là**

Để tiến hành quan sát, trước hết cần xác định được mục tiêu và hệ thống hành vi liên quan đến mục tiêu cũng như các mức độ của hành vi.

- Cần có kế hoạch trước cho việc quan sát, và phải chuẩn bị một danh mục cần quan sát cái gì, tức là phải định ra trước một loạt hành vi sẽ được quan sát, việc quyết định này giống như việc quyết định là nội

dung gì sẽ được đưa vào bài kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Cần phải dựa trên các mục tiêu sẽ đánh giá.

- Khi quan sát chỉ nên tập trung vào một hoặc hai đặc điểm để cho các số liệu tin cậy hơn, bởi vì người quan sát khó tập trung vào nhiều đặc điểm cùng một lúc.
- Số lượng quan sát phải nhiều và thời gian quan sát diễn ra liên tục thì độ tin cậy của quan sát sẽ lớn hơn.
- Quan sát được tiến hành đồng thời với hoạt động và giảng dạy và giáo dục của giảng viên, tức là khi giảng viên lên kế hoạch giảng dạy và giáo dục thì đồng thời cũng có kế hoạch quan sát để hai yếu tố này có liên quan với nhau.
- Quan sát cần mang tính lựa chọn, tức là nếu quan sát trong một tập thể mang tính bao quát, tuy nhiên cũng cần được tập trung tới một vài cá nhân đặc biệt, chẳng hạn như những sinh viên chậm chạp hoặc tách biệt, khép kín, hoặc quá hiếu động, họ cần có sự giúp đỡ đặc biệt.
- Nên ghi lại một cách cẩn thận và tóm tắt ngay sau khi nó xảy ra, tuy nhiên không nên đồng thời đưa ra những giải thích kết luận ngay về thái độ, điều này sẽ gây trở ngại đến tính khách quan trong quá trình thu thập thông tin quan sát.
- Có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật vào quá trình quan sát.

### ***1.2.3. Các thao tác thiết kế và thực hiện quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên***

#### **Các thao tác thiết kế để kiểm tra kết quả học tập của sinh viên**

##### ***a. Xác định mục đích đánh giá***

Đây là việc đầu tiên khi tiến hành đánh giá. Tùy vào hoàn cảnh cụ thể mà công việc đánh giá hướng đến các mục đích khác nhau. Thường thì việc đánh giá hướng vào các mục đích sau:

- Khảo sát năng lực xuất phát của sinh viên (đánh giá đầu vào) để quyết định mục tiêu dạy học, lựa chọn nội dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Ví dụ như kiểm tra tư cách thường kỳ.
- Theo dõi quá trình học tập của sinh viên để điều chỉnh hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của sinh viên..
- Đánh giá tổng kết để nhận định được mức độ đạt và chưa đạt của các mục tiêu dạy học bằng các bài thi học kỳ, thi tốt nghiệp.

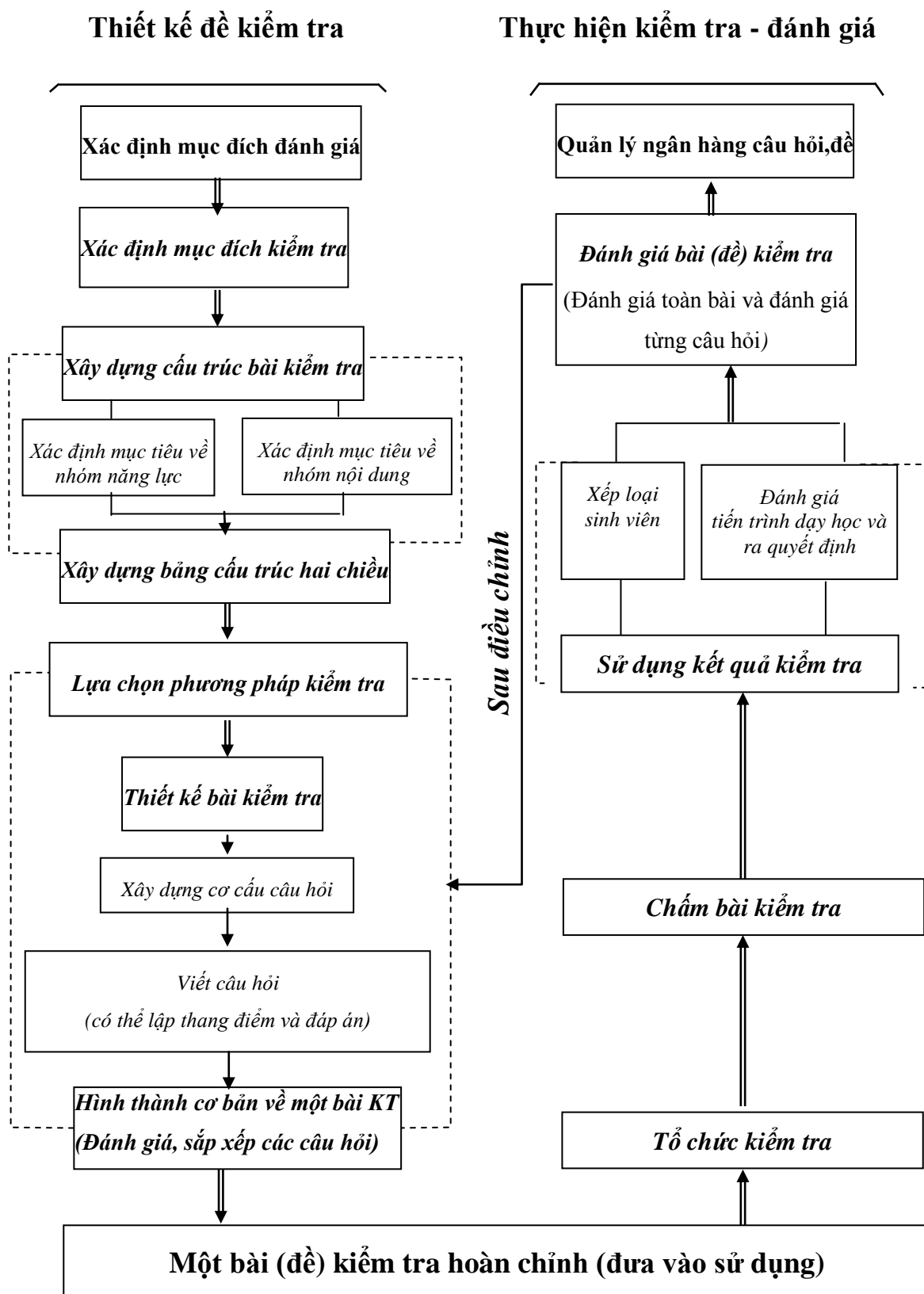
Tuy nhiên các mục đích này cũng có thể được thể hiện trong cùng một đề kiểm tra.

Nhằm đạt được các mục đích đánh giá người giảng viên sẽ phải cụ thể hoá các mục đích đó bằng việc xác định các mục tiêu kiểm tra tương ứng. Phải căn cứ vào mục tiêu dạy học và chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình để xác định mục tiêu kiểm tra. Các mục tiêu kiểm tra này nhằm giúp giảng viên:

- Nắm được trình độ ban đầu của sinh viên;
- Thu tín hiệu ngược về mức độ lĩnh hội kiến thức, hình thành kỹ năng kỹ xảo và thái độ của sinh viên;
- Biết trình độ của sinh viên đạt được sau một thời gian nhất định.

#### *b. Xây dựng cấu trúc bài kiểm tra*

- Bài kiểm tra kết quả học tập của sinh viên là một công cụ mang lại thông tin cần thiết cho công tác đánh giá. Với vai trò quan trọng đó nên các bài kiểm tra phải được xây dựng một cách chặt chẽ và mang tính khoa học cao.
- Sau khi đã xác định được mục đích đánh giá và cụ thể hóa thành các mục tiêu kiểm tra dưới dạng có thể “đo đạc” được bằng các phương pháp kiểm tra ta tiến hành xác định cấu trúc bài kiểm tra. Bài kiểm tra phải đảm bảo đánh giá được các nội dung kiến thức sinh viên thu nhận được và cấp độ tư duy mà sinh viên đạt được.



Sơ đồ 2 - Thao tác thiết kế và quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc xây dựng một bài kiểm tra được bắt đầu bằng việc xây dựng cấu trúc khung của nó. Những mục tiêu kiểm tra có thể được chia thành hai nhóm chính: (i) Nhóm năng lực trí tuệ còn gọi là "Nhóm năng lực"; (ii) Nhóm năng lực kiến thức còn gọi là "Nhóm nội dung". Việc xây dựng cấu trúc khung của bài kiểm tra được tiến hành theo ba bước như sau:

Bước 1. Xác định mục tiêu cần kiểm tra theo nhóm năng lực nhận thức. Theo phân loại của Benjamin Bloom (Hoa Kỳ) [5] thì nhóm năng lực nhận thức có sáu mức độ từ thấp đến cao (Nhận biết; thông hiểu; vận dụng; phân tích; tổng hợp và đánh giá) – thang này thường dùng ở cấp Trung học phổ thông và bậc Đại học.. Mỗi giảng viên sẽ lựa chọn những mục tiêu nhận thức ở mức độ khác nhau tùy vào trình độ phát triển năng lực nhận thức hiện có của sinh viên và mục tiêu dạy học.

Bước 2. Xác định mục tiêu cần kiểm tra theo nhóm nội dung nhận thức. Đó là xác định những danh mục về nội dung kiến thức cần kiểm tra. Đây là “Vùng” mà những năng lực nhận thức của sinh viên được thể hiện. Nếu coi nhóm năng lực là các “thao tác” thì nhóm nội dung là “địa điểm” xảy ra “thao tác” đó.

Bước 3. Xác định bảng cấu trúc hai chiều (ma trận kiểm tra). Sau khi xác định được các nhóm mục tiêu của bài kiểm tra, công việc tiếp theo là xây dựng bảng cấu trúc hai chiều. Đây là bảng cấu trúc kết hợp hai nhóm mục tiêu kiểm tra - nhóm mục tiêu nhận thức và nhóm mục tiêu nội dung - lại với nhau. Đồng thời xác định được tỷ lệ và số lượng câu hỏi cho mỗi vùng kết hợp. Ví dụ: Với mục tiêu nhận thức ở mức tổng hợp thì cần kiểm tra nội dung nào và cần bao nhiêu câu hỏi? Theo Trần Kiều và Nitko (2006) [6], việc xây dựng bảng cấu trúc hai chiều rất quan trọng, nó đưa ra một cấu trúc hợp lý, cân đối nhằm xác định đầy đủ các nội dung cần kiểm tra. Nhìn vào bảng hai chiều có thể đánh giá được đề kiểm tra có toàn diện và tổng hợp được mọi phạm vi kiến thức, kỹ năng cần đánh giá không, có giúp phân hóa được năng lực sinh viên hay không. Bảng hai



chiều (Sơ đồ 2) cũng thể hiện được số lượng những câu hỏi đảm bảo cân đối về thời lượng và mức độ quan trọng của nội dung kiến thức.

### *c. Lựa chọn phương pháp kiểm tra*

Như đã trình bày ở trên, có rất nhiều phương pháp kiểm tra được sử dụng trong dạy học như: kiểm tra viết (bằng nhóm câu hỏi cung cấp và bằng nhóm câu hỏi lựa chọn), kiểm tra nói (có ba hình thức kiểm tra miệng, vấn đáp và thuyết trình) và các phương pháp kiểm tra khác (sinh viên tự đánh giá, đánh giá dựa trên quan sát của giảng viên)...

Trong mỗi hình thức kiểm tra đó lại được cụ thể hoá ở các dạng khác nhau tạo nên sự đa dạng cho phương pháp kiểm tra. Do vậy mà phải dựa trên những mục tiêu của đánh giá và cấu trúc bài kiểm tra đã xác định để lựa chọn phương pháp kiểm tra sao cho phù hợp. Nguyên tắc vàng khi lựa chọn phương pháp kiểm tra là: “Sử dụng phương pháp nào cung cấp những số liệu trực tiếp nhất cho các mục tiêu kiểm tra”.

### *d. Thiết kế bài kiểm tra*

Công việc thiết kế bài kiểm tra kết quả học tập của sinh viên gồm các bước cụ thể như sau:

Bước 1. Xây dựng cơ cấu câu hỏi. Cơ cấu câu hỏi là tổng số các câu hỏi trong một bài kiểm tra, bao gồm các câu hỏi đã được xác định ở mỗi nội dung cần kiểm tra. Để đạt được hiệu quả mong muốn thì bài kiểm tra phải được thiết kế sao cho những câu hỏi phải là những đại diện tốt nhất của tập hợp những câu hỏi khả dĩ hướng về những mục tiêu đánh giá đã xác định. Khi xác định số lượng câu hỏi cho bài kiểm tra cần phải lưu ý đến những yếu tố: sinh viên năm thứ mấy; thời gian kiểm tra; phương pháp kiểm tra và cách diễn dịch kết quả.

Bước 2. Viết câu hỏi. Sau khi đã xác định được cơ cấu bài kiểm tra ta tiến hành viết các câu hỏi, dựa trên bảng cấu trúc hai chiều đã xác định sao cho các câu hỏi đó đạt được các mục tiêu kiểm tra và đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy, độ khó cũng như phù hợp với thời gian kiểm tra...

Bước 3. Tổ chức bài kiểm tra. Đây là công việc sắp xếp các câu hỏi để hình thành một bài kiểm tra chính thức theo trình tự sau: (i) Đánh giá lại các câu hỏi; (ii) Sắp xếp các câu hỏi; (iii) Viết câu hướng dẫn (Bao gồm: Mục đích kiểm tra; thời gian làm bài; thang điểm cho từng phần; cách thức giải quyết vấn đề).

#### ***1.2.4. Quy trình tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên***

##### ***a. Tổ chức kiểm tra***

Theo nguyên tắc: Tất cả mọi sinh viên đều được tạo điều kiện thích hợp và công bằng để các em thể hiện những năng lực thực sự của mình.

##### ***b. Chấm bài kiểm tra***

Sau khi tổ chức kiểm tra, thu bài thì thao tác kế tiếp là chấm bài kiểm tra. Thực ra đây là việc so sánh bài làm của sinh viên với bài giải mẫu (đáp án) và thang điểm. Nếu việc làm bài giải mẫu cũng như thang điểm đã được chuẩn bị từ khâu thiết kế bài kiểm tra thì việc chấm bài tương đối đơn giản.

Khi chấm bài người giảng viên cũng phải tuân theo những yêu cầu sư phạm của thao tác này.

##### ***c. Đánh giá kết quả kiểm tra***

Sau chấm ta thu được kết quả các bài kiểm tra đó chính là các điểm số, đây sẽ là những chất liệu cho công tác đánh giá. Giảng viên có thể sử dụng những kết quả đó để xếp loại sinh viên và đánh giá tiến trình dạy học đối chiếu với những mục tiêu đã đề ra ban đầu để từ đó đưa ra những quyết định cần thiết để nâng cao hiệu quả của công tác dạy và học.

##### ***d. Đánh giá bài kiểm tra***

Đây là một thao tác khá quan trọng và cần thiết của người giảng viên trong quá trình giảng dạy. Thông thường kết quả kiểm tra chỉ được sử dụng chủ yếu nhằm đánh giá công tác dạy và học, còn việc đánh giá lại bài kiểm tra đó thì không phải người giảng viên nào cũng làm. Những

thông tin từ kiểm tra còn dùng để thẩm định chất lượng và tính hiệu quả của bài kiểm tra đó. Cụ thể là việc đánh giá lại từng câu hỏi và đánh giá lại toàn bộ bài kiểm tra nhằm biết được:

- Bài kiểm tra "đo" được đến mức độ nào những phẩm chất năng lực của sinh viên mà nó hướng tới (độ giá trị), đặc biệt là kiểm tra kết thúc học phần.
- Kết quả kiểm tra thu được không bị ảnh hưởng do sai số đến mức độ nào (độ tin cậy).

*e. Quản lý câu hỏi*

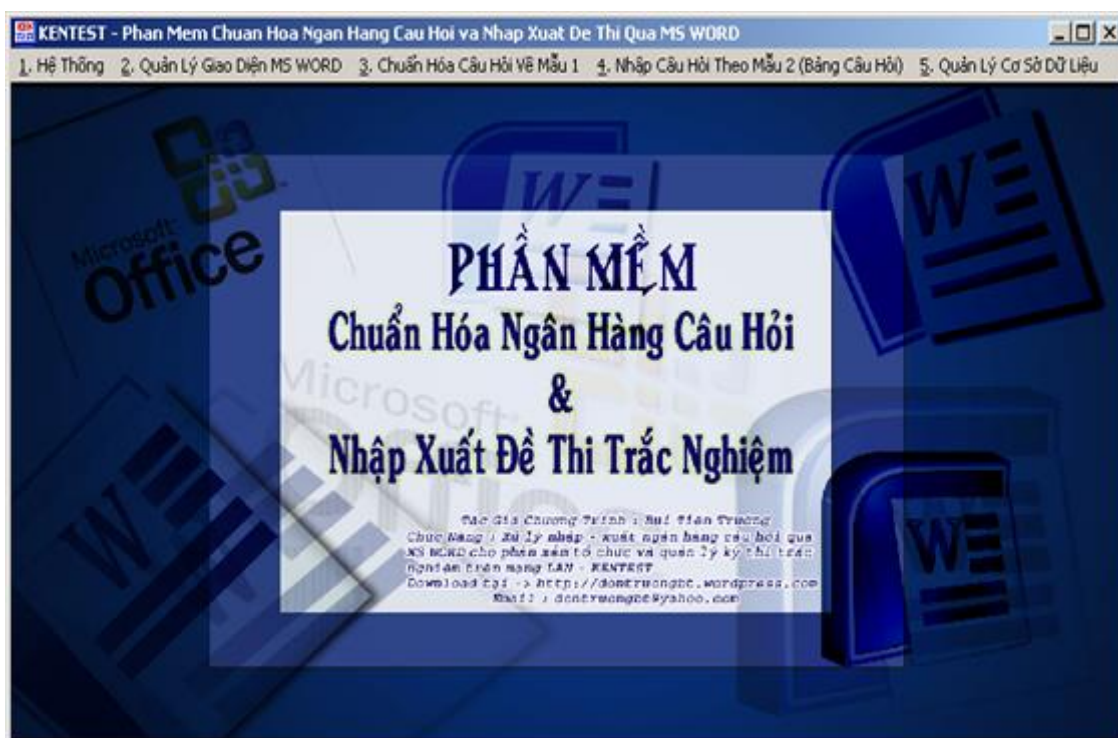
Sau khi đã đánh giá và sửa chữa, các câu hỏi cần được quản lý một cách có hệ thống để có thể sử dụng lại trong tương lai.

## CHƯƠNG 2

# MỘT SỐ PHẦN MỀM SẴN CÓ SỬ DỤNG TRONG TẠO DỰNG ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM

### 2.1. Phần mềm Kentest

#### 2.1.1. Giới thiệu chung về phần mềm



Hình 3 - Giao diện phần mềm Kentest

Phần mềm Kentest được tác giả Bùi Tiến Trường xây dựng phù hợp với chức năng tạo dựng đề thi trắc nghiệm đa phương án phục vụ cho việc thi trực tiếp trên máy tính thông qua mạng kết nối nội bộ - LAN (Local Area Network)

Phần mềm được xây dựng phù hợp với dòng máy tính thế hệ cũ chạy hệ điều hành Windows dòng 32bit (hệ điều hành Vista trở về trước)

Chức năng soạn đề thi phù hợp với ứng dụng soạn thảo văn bản của Microsoft Word 2000/XP/2003.

Trong giai đoạn trước đây, Kentest được sử dụng rất phổ biến và đã được áp dụng trong một số đề tài liên quan đến câu hỏi thi trắc nghiệm.

### ***2.1.2. Ưu nhược điểm của phần mềm***

Ưu điểm:

- Chức năng sẵn có của Kentest rất phù hợp với việc kiểm tra thông qua máy tính.
- Cài đặt miễn phí và không đòi hỏi cấu hình cao
- Có thể đảo đáp án và lựa chọn gói câu hỏi mức độ khó dễ

Nhược điểm:

- Không nhiều thiết bị có thể cài đặt Kentest do tương thích với ứng dụng soạn thảo cũ.
- Việc nhập dữ liệu và chọn đáp án đòi hỏi nhiều công sức hơn làm việc thủ công.
- Thời gian tạo đề thi tương đối lâu.

## **2.2. Phần mềm TestPro**

### ***2.2.1. Giới thiệu chung về phần mềm***

Phần mềm TestPro được nhóm phát triển phần mềm (HSDG) thuộc bộ môn Công nghệ phần mềm thuộc khoa CNTT – Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên nghiên cứu và phát triển từ đầu năm 2007, dựa trên yêu cầu từ chính các trường Trung học phổ thông tại tỉnh Hưng Yên.

Khi ra đời phần mềm này đã đáp ứng ngay được yêu cầu rất cấp bách của các trường THPT hiện nay là vấn đề thi/ kiểm tra trắc nghiệm trên giấy.

Phiên bản TestPro 6.0 là bản hoàn thiện ra mắt năm 2011 được sử dụng rộng rãi trên toàn quốc và là phiên bản hoàn toàn miễn phí.



Hình 4 - Giao diện của phần mềm TestPro

### 2.2.2. Ưu nhược điểm của phần mềm

Ưu điểm nổi bật của phần mềm TestPro là:

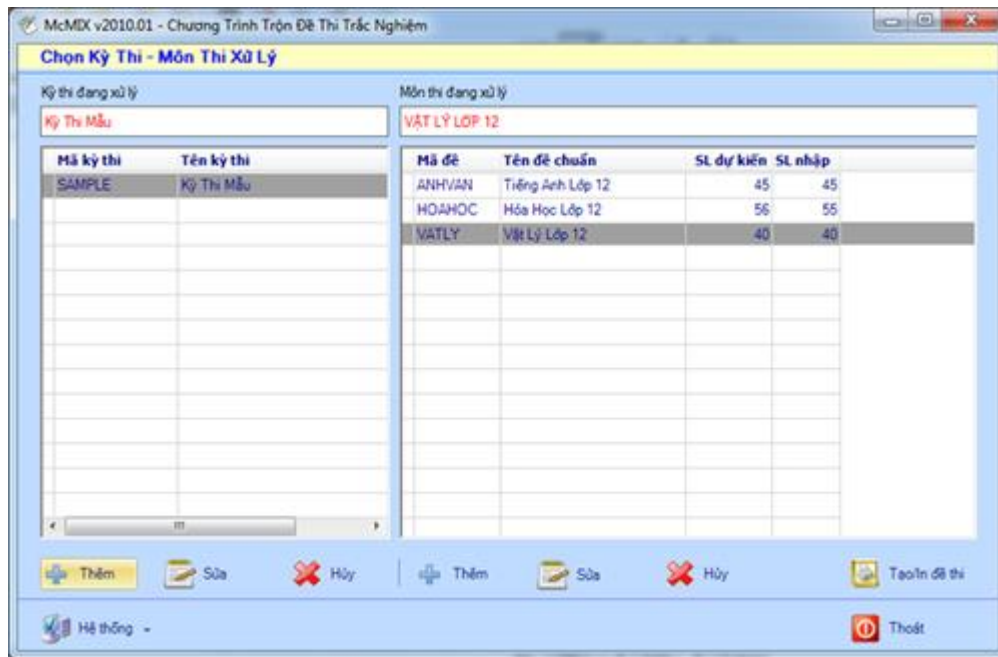
- Sử dụng dễ dàng kèm theo khả năng soạn câu hỏi
- Có chế độ trộn đề, dễ dàng khi trộn đề
- Nhập tự động từ ứng dụng Microsoft Word, xuất đề thi và ngân hàng câu hỏi ra Word
- Sửa chữa câu hỏi nhanh, có khả năng sử dụng tất cả dữ liệu từ Word

Nhược điểm:

- Việc đảo đề thi chưa tốt. Không phù hợp để quản lý kỳ thi.
- Chỉ có thể tiến hành kiểm tra trên giấy.

## 2.3. Phần mềm McMix

### 2.3.1. Giới thiệu chung về phần mềm



*Hình 5 - Giao diện của phần mềm McMix*

Được sử dụng rộng rãi trên toàn quốc, cũng là phiên bản miễn phí. McMix phù hợp với mọi phiên bản của Microsoft Windows, tuy nhiên cách thức tạo đề thi của McMix chỉ phù hợp với việc thi trên giấy. McMix được Bộ giáo dục đào tạo sử dụng nhiều năm trong công tác in sao đề thi tốt nghiệp phổ thông trung học và kỳ thi đầu vào đại học.

### ***2.3.2. Ưu nhược điểm của phần mềm***

Ưu điểm nổi bật của phần mềm McMix:

- Chức năng trộn câu hỏi ưu việt
- Có khả năng chọn lọc gói câu hỏi mức độ khó khác nhau khi đưa vào phần mềm
- Số lượng câu hỏi không hạn chế
- Nhập đề thi từ Word hoặc xuất đề thi ra Word dễ dàng
- Đảo đáp án trong một câu hỏi xuất sắc

Tuy nhiên vẫn tồn tại những nhược điểm:

- Khả năng quản lý ngân hàng câu hỏi kém, chỉ có thể đảo câu hỏi sau khi đề thi đã thành lập. Như vậy bước tạo đề thủ công cực kỳ quan trọng.
- Mặc dù tương thích với mọi phiên bản Windows nhưng khi sử dụng vẫn có một số trục trặc, đòi hỏi người sử dụng phải thành thạo.

*\* Trên đây là ba phần mềm ứng dụng trong công tác trộn, tạo đề thi thông dụng, còn rất nhiều phần mềm khác tác giả chưa có dịp tìm hiểu nên không tiện đề cập trong phạm vi đề tài.*



# **CHƯƠNG 3**

## **XÂY DỰNG CÂU HỎI THI CHO HỌC PHẦN AN TOÀN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI**

### **3.1. Giáo trình mới của học phần An toàn lao động Hàng hải**

Học phần An toàn lao động Hàng hải sử dụng giáo trình mới có những điểm khác nhiều so với giáo trình trước đây. Khái quát có thể nêu ra ở đây như sau:

Giáo trình cũ có kết cấu 05 chương:

- Chương 1: An toàn trong công việc bảo dưỡng và sửa chữa trên boong
- Chương 2: An toàn khi tàu ra vào cảng và rời cảng
- Chương 3: An toàn khi tàu hành trình trên biển
- Chương 4: An toàn khi xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa trên tàu
- Chương 5: Quản lý an toàn và an ninh trên tàu

Giáo trình mới có kết cấu 2 phần và 12 chương:

**Phần I : Trách nhiệm an toàn và quản lý an toàn trên tàu**

- Chương 1: Trang bị bảo hộ cá nhân
- Chương 2: An toàn khi tàu nhập bến và rời bến

**Phần II: Các hoạt động trong công việc**

- Chương 3: Các hệ thống làm việc an toàn
- Chương 4: Vào khu vực kín và khu vực hạn chế
- Chương 5: Các bố trí khi lên tàu
- Chương 6: Cách sử dụng các trang thiết bị làm việc
- Chương 7: Thiết bị nâng hạ
- Chương 8: Công việc tạo ra nhiệt

- Chương 9: Sơn
- Chương 10: Hoạt động neo, chằng buộc và lai kéo
- Chương 11: Nắp hầm hàng và nắp đậy lối tiếp cận
- Chương 12: Cách sử dụng các dấu hiệu an toàn

Quan sát cách bố trí chương mục của hai cuốn giáo trình về cơ bản có sự khác biệt trong cách tiếp cận vấn đề.

Giáo trình cũ khi đề cập đến các vấn đề liên quan thì tiếp cận trực tiếp vấn đề chỉ ra những chỉ dẫn và thao tác đảm bảo an toàn trực tiếp liên quan đến vấn đề. Trong khi giáo trình mới thì tiếp cận xa hơn, từ vấn đề khái quát về trang thiết bị bảo hộ cá nhân, tính chất công việc rồi mới đề cập đến việc sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong công việc như thế nào.

Các vấn đề khác biệt khác cần tìm hiểu sâu hơn vào chi tiết của bài giảng có thể liệt kê ra ở đây và giáo trình mới có sự khác biệt như sau:

- Giáo trình mới đưa ra các nhận định và đánh giá trang thiết bị bảo hộ cá nhân và tập thể, ưu và nhược điểm khi sử dụng chúng. Điều này hết sức quan trọng vì công tác trên tàu biển không phải lúc nào cũng có thời gian huấn luyện và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị này. Trong khi giáo trình cũ không đề cập qua. Điều này sẽ cải thiện được tình trạng sinh viên không hiểu biết về các trang thiết bị này và lúng túng khi sử dụng chúng. Một điều hết sức quan trọng trong kỹ năng làm việc là cần phải thành thạo cách sử dụng trang thiết bị an toàn cá nhân, nếu như học phần có đề cập đến thì thực sự tốt cho sinh viên trước khi đi thực tập lần đầu tiên và quá trình lao động sau này trên biển.
- Giới thiệu quy trình an toàn trong các tình huống đặc biệt như: đi vào khu vực nguy hiểm, sử dụng các trang thiết bị tiếp cận hay việc đón trả hoa tiêu. Thực tế là giáo trình cũ cũng đã nêu các vấn đề này nhưng điểm khác biệt ở đây (cụ thể nói giáo trình mới) nêu bật tầm

quan trọng của quy trình an toàn, đẩy tầm quan trọng của nó lên cao hơn thông qua việc chỉ dẫn các tình huống đặc biệt. Thông qua việc học tập phần kiến thức này, sinh viên sẽ có thái độ nghề nghiệp tốt hơn, thận trọng hơn và bình tĩnh hơn trong quá trình lao động thực tế. Đương nhiên, để hoàn thành công việc đạt trên mức yêu cầu thì cần phải có công tác huấn luyện đảm bảo được điều đó. Trước hết, sinh viên sẽ có được cách tiếp cận an toàn nhất có thể được sau khi kết thúc học phần này.

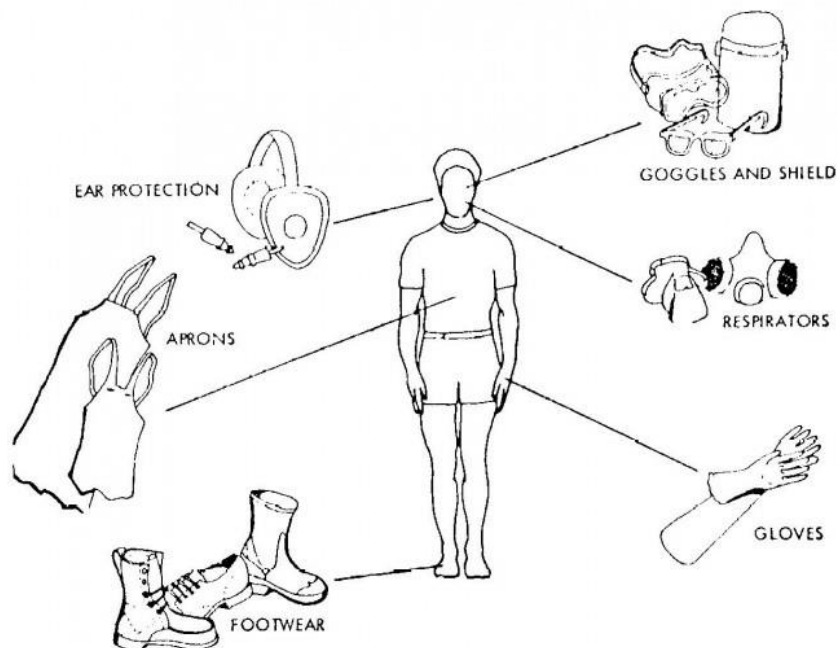


Hình 6 – Đồ bảo hộ cá nhân

- Giáo trình mới không chỉ phân ra các công tác đảm bảo an toàn khi làm việc trên boong, khoang ngăn kín, ... như giáo trình cũ mà còn chỉ rõ cụ thể phương tiện sử dụng trong từng tình huống. Điều này giúp sinh viên có kiến thức tổng quan tốt hơn trước khi xuống tàu tham quan qua đó hiểu sâu hơn về thực tế công việc. Kể cả những công việc ít liên quan như làm việc với máy lạnh, kho lạnh và làm việc với buồng nồi hơi.
- Như đã nói ở trên, giáo trình mới có cách tiếp cận hoàn toàn khác, thay vì đến cụ thể công việc mới nêu lên các trang thiết bị sử dụng liên quan hoặc đi kèm công việc thì lại đề cập đến các trang thiết bị này trước, đặc tính, cách sử dụng hay các loại thiết bị hiện có giúp người học có thể lường trước được cách tiếp cận công việc thì cần sử dụng thiết bị gì. VD: khi làm việc trong khu vực kín thì có thể

đem theo những thiết bị gì và lường trước sự việc nguy hiểm bằng thiết bị gì.... Hay khi bảo dưỡng trang bị thì cần chuẩn bị các dụng cụ gì, cách sử dụng dụng cụ đó ra sao...

- Giáo trình mới cung cấp cho người học rất nhiều kiến thức và chú giải để sử dụng các thiết bị làm việc mà giáo trình cũ chỉ nhắc đến chứ không nêu cụ thể. Ở đây nói mức độ cụ thể của việc sử dụng trang thiết bị còn có cả tình huống thuyền viên đi giặt đồ cá nhân của mình thì sử dụng trang thiết bị giặt là ra sao để đảm bảo an toàn, tình huống này hoàn toàn không được nhắc đến trong giáo trình cũ. Nêu ra như vậy để thấy sự khác biệt rõ rệt giữa hai cuốn giáo trình cũ và mới.
- Giáo trình mới cũng nhắc đến tiêu chuẩn, quy trình thanh kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị. Điều này hoàn toàn mới so với giáo trình cũ.
- Giáo trình mới cũng đề cập tới các công việc nguy hiểm tạo ra nhiệt nhưng cụ thể hơn ở chỗ chỉ ra được những công việc cụ thể sử dụng thiết bị như thế nào mới tạo ra tia lửa và nhiệt.



Hình 7 – Đồ bảo hộ khi làm công việc tạo ra nhiệt  
(nguồn [www.baylor.edu](http://www.baylor.edu))

- Cuối cùng là việc giáo trình mới cho học phần An toàn lao động hàng hải đề cập tới các dấu hiệu, biển báo an toàn sử dụng trên tàu. Điều này rất quan trọng vì hầu như sinh viên học tập từ giáo trình cũ rất ít khi tiếp cận đến vấn đề này trong khi việc kiểm tra an toàn chung của tàu lại liên quan trực tiếp đến các biển báo và dấu hiệu an toàn. Nắm bắt tốt các dấu hiệu và biển báo này giúp cho công việc trên tàu khi gặp phải sự cố sẽ trôi chảy hơn.
- Giáo trình mới cũng góp phần nâng cao ý thức tự bảo vệ bản thân cho người học ở chỗ cung cấp kiến thức về quyền lợi và nghĩa vụ của thuyền viên cũng như của nhà tuyển dụng, chủ phương tiện. Từ đó, người học có cái nhìn toàn diện hơn, đánh giá khách quan hơn khi làm việc trên tàu.
- Ngoài ra còn rất nhiều điểm khác so với giáo trình cũ nằm ở phần tự học. Sinh viên được yêu cầu tự học, tự trang bị một số nội dung có trong tài liệu tham khảo được cung cấp. Việc phân loại sinh viên khá giỏi cũng được rút ra từ quá trình này.

Từ các điểm nêu trên đây, chúng ta có thể thấy giáo trình An toàn lao động hàng hải có khối lượng kiến thức to lớn đến thế nào. Nếu như tiếp tục sử dụng phương án thi tự luận thì sẽ gây khó khăn cho sinh viên và bản thân giảng viên đến mức có thể nhận thấy được. Thực tế ấy đòi hỏi phải thay đổi hình thức thi thành thi trắc nghiệm để đảm bảo chất lượng và cũng chỉ cần hình thức thi trắc nghiệm cũng có thể phân loại được sinh viên khá, giỏi trong việc học tập học phần này.

## **3.2. Yêu cầu của đề thi**

### ***3.2.1. Cách đánh giá học phần***

Điều kiện để đánh giá cuối kỳ là sinh viên phải hoàn thành một số hạng mục sau:

- Tham gia số tiết trên lớp phải từ 75% tổng số tiết của học phần trở lên.
- Trung bình cộng các bài kiểm tra tự cách, điểm ý thức học tập trên lớp và điểm thực hành phải do giáo viên hướng dẫn đánh giá và phải ít nhất bằng 4 tính theo thang điểm 10.
- Trong đó, điểm ý thức học tập sẽ được tính trên nhiều phương diện như phong thái học tập trên lớp, hay chất lượng tự học, hăng hái tham gia vào bài học,...

Có được các điều kiện đó, sinh viên sẽ được tham dự kỳ thi. Đề thi sẽ do bộ môn Cơ sở Hàng hải duyệt trước kỳ thi. Hình thức thi trắc nghiệm, để đảm bảo khách quan sẽ phải thỏa mãn yêu cầu sau:

- Mỗi đợt thi sẽ gồm ít nhất 08 đề thi,
- Mỗi câu hỏi sẽ gồm ít nhất 4 đáp án
- Các câu hỏi sẽ phân ra được nhiều mức độ khó khác nhau, tùy thuộc cách đánh giá của bộ môn khi chọn lựa câu hỏi.
- Bài thi sẽ được rọc phách và chằm ngẫu nhiên để đảm bảo tính công bằng.

Đánh giá kết quả học tập học phần này của sinh viên dựa vào cả hai quá trình học tập trên lớp và kết quả thi kết thúc học phần. Hiện nay nhà trường áp dụng cách đánh giá điểm học phần là 50% điểm học trên lớp và 50% còn lại là điểm thi kết thúc học phần.

Do cách tính như vậy có lợi cho sinh viên và đề cao tính quyết định của giảng viên hướng dẫn. Tuy nhiên sẽ xảy ra tình trạng sinh viên lười học và chỉ cần điểm kết thúc học phần thấp là đạt mục đích.

Lấy ví dụ, điểm học trên lớp của sinh viên được đánh giá là  $X=8$  (theo thang điểm 10). Học phần đánh giá sinh viên hoàn thành nếu điểm tổng kết đạt điểm ít nhất là 5.5 (theo thang điểm 10) tức là điểm thi kết thúc

học phần chỉ cần là  $Y=3$  đã đảm bảo cho sinh viên lấy được tín chỉ học phần.

Hệ quả của việc này đó là sinh viên tự mãn với kết quả đạt được và khi ra trường thì kiến thức về học phần cũng rơi rụng gần hết.

Thêm vào đó, với hình thức thi trắc nghiệm, số lượng câu hỏi nhiều khiến sinh viên không nhớ rõ mình được thi vào phần nào. Sinh viên dễ mắc phải tình trạng lăm tưởng và sai kiến thức do chỉ biết điểm thi mà không biết mình đúng chỗ nào, sai chỗ nào. Điều này đặc biệt nguy hiểm vì kể cả sinh viên khi ra trường kiến thức không rơi rụng thì vẫn có thể hiểu sai kiến thức cơ bản, lăm tưởng kiến thức mình thu nhận được là đúng và khi áp dụng vào thực tế thì sai lầm đó biến thành hậu quả khôn lường.

Do vậy, cần thiết phải có cách đánh giá ưu việt hơn để loại bỏ tình trạng này. Đơn cử, có thể áp dụng cách đánh giá của hình thức thi trắc nghiệm ở nước ngoài đó là thí sinh phải làm đúng trên 50% số lượng câu hỏi có trong đề thi thì mới được tính điểm. Đây chỉ là gợi ý cho bộ môn Cơ sở Hàng hải và hoàn toàn không đánh giá được hết hay loại bỏ hết tình trạng sai lệch kiến thức ở sinh viên như đã nêu ở trên.

### ***3.2.2. Xây dựng câu hỏi và đề thi***

Trên cơ sở các yêu cầu nêu trên, đề thi sẽ được xây dựng theo trình tự nêu ở mục 1.1.3. Qua đó, đề thi cần làm rõ các mục:

- Câu hỏi thi được thiết lập theo tất cả các chương có trong giáo trình (12 chương), mỗi chương ít nhất 50 câu hỏi. Tổng số câu hỏi trong bộ câu hỏi thi gồm khoảng trên 500 câu.
- Các câu hỏi sẽ gồm 4 đáp án lựa chọn khách quan.
- Ngoài ra, bộ câu hỏi thi phải gồm nhiều mức độ khó, để đảm bảo phân loại được sinh viên. Như vậy phần câu hỏi khó trong quá trình tác giả xây dựng sẽ được chọn lọc trong giáo trình An toàn lao động Hàng hải (mới) kết hợp với tài liệu tham khảo lập nên.

- Đề thi tùy theo yêu cầu của bộ môn Cơ sở Hàng hải để lập nên từ ngân hàng câu hỏi có thể gồm rất nhiều câu.

Bộ câu hỏi sẽ có thể sử dụng một trong nhiều phương tiện phần mềm ứng dụng khác nhau để tạo dựng đề thi như đã nêu ở Chương 2. Câu hỏi thi phải gồm nhiều mức độ khó, để đảm bảo phân loại được sinh viên.

### 3.2.3 Một số câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi

1. Risks to the health and safety of workers must be:  
A. Be identified and assessed  
B. Be foreseen and analysed  
C. Be calculated and monitor  
D. All of the above answers are TRUE
2. What should be done in order to make the working environment and working methods as safe as reasonably practicable?  
B. Pay attention to risk control measures  
C. Clean the environment before working  
D. All of the above answers are TRUE
3. We should use personal protective equipment only when risks cannot be avoided or reduced to an acceptable level, because  
B. That cause no health risk to any worker  
C. Personal protective equipment reduce the hazard  
D. Protective equipment reduce hazard to others worker
4. When a worker uses personal protective equipment  
B. Some hazards may still happen to whom wearing that equipment  
C. Personal protective equipment may causes a hazard to other workers  
D. Personal protective equipment may causes no hazard to any worker
5. It is the responsibilities of the employer:  
B. To ensure that workers are provided with suitable personal protective equipment, when needed  
C. To ensure that workers are safe working practices  
D. To ensure that all workers knows how to protect themselves against hazard
6. As a general rule, protective equipment will:  
C. be supplied where it is exclusive to the workplace then the worker be required to contribute to the cost  
D. be provided by standards require by legislation.
7. Whose responsibility that personal protective equipments is to assess:



- A. Employers
- B. Master
- C. Chief Mate
- D. Each crew's member

8. Personal protective equipment should be assessed to ensure that it:

- A. meets the appropriate standards of design and manufacture.
- B. is suitable for the task in question
- C. is effective for the task in question
- D. All of the above answers are TRUE.

9. A suitable personal protective equipment should not:

- A. be appropriate for the risks involved and the task being performed
- B. fit the worker correctly after any necessary adjustment;
- C. take account of ergonomic requirements and the workers's state of health
- D. lead to any significant increased risk itself

10. A suitable personal protective equipment should:

- A. Fit the worker correctly
- B. Be appropriated for the risk involved
- C. Be compatible with any other equipment used at the same time
- D. All of the above answers are TRUE

11. A safe means of access

- A. is properly rigged and deployed
- B. is secured alongside the ship to provide safe access
- C. is fixed to maintain safe access
- D. All of the above answers are FALSE

12. When access equipment is provided from the shore, whose responsibility to ensure that the equipment being safe to use:

- A. The Officer of the watch
- B. The Ship's Safety Officer
- C. The Chief Mate
- D. The Master

13. Any access equipment and immediate approaches to it must be:

- A. fixed to the ship
- B. adequate lit
- C. fenced at night
- D. All of the above answers are FALSE

14. Any equipment used for the provision of means of access and any safety net must be:

- A. Fit for purpose and properly maintained
- B. Inspected at every hour
- C. Lowered down for maintained
- D. Hoisted by winch

15. A rope ladder should be used when:

- A. The ship has no safer means of access
- B. The ship with high freeboard and other ships with low freeboard
- C. At night in a low-level of security area
- D. Ship's gangways are broken

16. A life-bouy that be provided ready for use at the point of access aboard the ship:

- A. with a self-igniting light
- B. with a whistle
- C. with a safety net

D. All of the above answers are FALSE

17. When suitable access equipment is provided from the ship or from the shore or from another ship:

- A. Safety nets must be mounted under that equipment
- B. Any person boarding or leaving the ship must use that equipment
- C. That equipment should be fixed to ship
- D. A safety line should be mounted alongside that equipment.

18. Pilot ladder is used when

- A. The ship's freeboard is more than 9 metres in height.
- B. The ship's length is more than 100 metres in length
- C. The ship's breadth is more than 40 metres in width
- D. All of the above answers are FALSE

19. Pilot ladder, accommodation ladder, hoist and associated equipment:

- A. is properly maintained
- B. is regularly inspected
- C. is properly stowed
- D. All of the above answers are TRUE

20. While the ship is arriving at or leaving a port, pilot ladder and hoist is used only for the embarkation and disembarkation of:

- A. Pilot and ship's agent
- B. Pilots and other persons
- C. Pilots and by officials or other persons
- D. All of the above answers are TRUE

21. "Working aloft" is not include which of following:

- A. Working on antenna mast
- B. Working on hold bottom
- C. Working near an opening hatch
- D. Working on fixed stairways

22. Working aloft may causes a person:

- A. injured when he fell
- B. dizzy
- C. nausea
- D. All of these above answers are TRUE

23. A person who may carry out a working aloft should be;

- A. at least 18 years old with no less than 12 months experience at sea
- B. at least 20 years old with no less than 12 months experience at sea
- C. Bosun who has a lot of experience
- D. a competent person

24. Working aloft, any person should wear:

- A. a life-line attached by a safety harness
- B. gloves
- C. a safety helmet
- D. safety shoes

25. If a vessel is shipping frequent seas:

- A. nobody should be required to work on deck unless absolutely necessary
- B. nobody is required to work aloft
- C. people feel comfortable on working in a same condition for long time
- D. All of the above answers are FALSE

26. Working aloft may not required:

- A. a safety net
- B. a signalling person
- C. communication signals
- D. a whistle

27. When workers working outboard, a person may required to

- A. assists and observes all workers at the same time
- B. assists and observes only one worker
- C. assists one worker and observes all workers
- D. raises signals to all workers

28. When workers working outboard, they may need

- A. lifebuoy with sufficient line attached available and ready to use.
- B. a safety net where necessary
- C. a buoyancy garments to wear
- D. All of the above answers are TRUE

29. Other than emergency situation, workers should not work outboard when

- A. the vessel is underway
- B. the vessel is alongside
- C. the vessel is in surveillance
- D. the vessel is close to other vessels

30. In an emergency situation, workers working outboard are provided with:

- A. lifeboats in readiness for immediate use
- B. rescue boats in readiness for immediate use
- C. a closely watched by a responsible person for each work.
- D. All of the above answers are TRUE

31. Before working near ship's whistle, what should not be done by the responsible officer:

- A. Shut off the power on the bridge
- B. Warning notices posted on the bridge
- C. Warning notices posted in the machinery spaces
- D. Warning notices sent to engine control room

32. Before working on the funnel, what should be done by the responsible officer:

- A. Inform the duty engineer to reduce the emission of steam
- B. Warning notices sent to the engine control room
- C. Introducing safety procedure to the workers
- D. Inform the Master

33. Before working in the vicinity of radio aerials, what should be done by the responsible officer:

- A. inform the Master
- B. inform the Officer of the Watch
- C. introducing safety procedure to the workers
- D. warning notices posted in radio room

34. Before working near the radar scanner, what should be done by the responsible officer:

- A. inform the Master
- B. inform the Officer of the watch
- C. introducing safety procedure to the workers
- D. warning notices posted in radio room

35. After working in special aerials, to whom should the responsible officer inform that the precautions and notices can be removed:
- A. The Master
  - B. The Officer of the Watch
  - C. The appropriate person
  - D. The workers
36. Work aloft should not be carried out, unless it is essential, in the vicinity of:
- A. Cargo working
  - B. Lifeboats
  - C. Rescue boats
  - D. All of the above answers are TRUE
37. Working aloft with tools and stores should be:
- A. kept clear of moving area
  - B. kowered down by responsible person
  - C. sent up by line in suitable containers
  - D. stored in personal body suit
38. Tools should be:
- A. placed where they can be knocked down
  - B. carried in pockets
  - C. hold in hands during works
  - D. secured in proper container.
39. Tools should not be handled when:
- A. Hands are cold
  - B. Hands are greasy
  - C. Tools themselves are greasy
  - D. All of the above answers are FALSE
40. A portable ladder should be checked regularly by:
- A. Chief Mate
  - B. Bosun
  - C. A/B
  - D. A competent person
41. How is a confined space or an enclosed space:
- A. is frequently unilluminated
  - B. is frequently unmanned
  - C. is frequently unventilated
  - D. has no entrance
42. An example of an enclosed space on board a ship:
- A. the Bridge
  - B. the galley
  - C. the cabins
  - D. the paint store
43. An example of an enclosed space on board a ship:
- A. Cargo pump rooms
  - B. the Bosun's store
  - C. the engine room
  - D. the refrigeration store
44. How dangerous is a confined space:
- A. deficiency of oxygen

- B. dangerous of available toxic gases or vapours
- C. dangerous of available flammable gases or vapours
- D. All of the above answers are TRUE

45. Before working in an enclosed space, should:

- A. have a constant meeting
- B. let out the ballast immediately
- C. let out the inert gas properly
- D. carry out an adequate ventilation

46. Before entering a confined space, which is the first job to be done:

- A. Identification of potential hazards
- B. Ventilation
- C. Assessment of the space
- D. Appointment a responsible officer for the operation

47. Before entering a confined space, a competent person is in charge of:

- A. Assessment of the space
- B. Identification of potential hazards
- C. Preparation for entry
- D. All of the above answers are TRUE

48. Before entering a confined space, which is the last job to be done:

- A. Institution of procedures before and during the entry
- B. Identification of potential hazards
- C. Testing of the atmosphere of the space
- D. Securing the space for entry

49. Before entering a confined space, if the atmosphere in the space is or could be unsafe then:

- A. Cancel the work due to “permit-to-work” system
- B. Re-assess the space
- C. Secure the space
- D. Use breathing apparatus

50. No one should enter a confined space to attempt a rescue unless:

- A. permission has been issued
- B. the space has been assessed
- C. the rescue team are ready
- D. his own safety is secured

## KẾT LUẬN

Sau khoảng thời gian 10 tháng, bộ câu hỏi dành cho học phần An toàn lao động Hàng hải đã được nhóm tác giả hoàn thành. Tuy chưa được bộ môn trực tiếp giảng dạy môn An toàn lao động Hàng hải là bộ môn Cơ sở Hàng hải chấp thuận và đánh giá chất lượng nhưng rất mong bộ câu hỏi này được đóng góp thêm để hoàn thiện hơn nữa.

Sự hoàn thiện của giáo trình bài giảng và cả câu hỏi thi sẽ góp phần nâng cao chất lượng học tập cho học phần An toàn lao động hàng hải nói riêng và cho chương trình đào tạo nói chung.

Hi vọng độ tin cậy của bộ câu hỏi sẽ được đánh giá cao để góp phần trong việc đánh giá chất lượng học tập của sinh viên lâu dài hơn nữa.

Qua việc hoàn thiện đề tài, nhóm tác giả có một số kiến nghị như sau đề nghị bộ môn Cơ sở Hàng hải cũng như Phòng Đào tạo của trường Đại học Hàng hải Việt Nam xem xét:

- Kính đề nghị Phòng Đào tạo cho sinh viên trước khi đi thực tập trên tàu mới được học học phần này. Việc này giúp các em vừa học được kiến thức tốt hơn (sau khi trải qua một số môn chuyên ngành) vừa có điều kiện áp dụng ngay vào thực tế, điều này giúp nâng cao hơn kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.
- Như đã trình bày ở Chương 1, đánh giá và phân loại sinh viên là việc làm hết sức cần thiết và chính vì lý do đó kính đề nghị bộ môn xây dựng đề thi theo hướng phân loại sinh viên để thúc đẩy đánh giá thực chất cho sinh viên. Việc đánh giá này cũng góp phần cải thiện vấn đề an ninh, an toàn trên tàu thông qua việc giáo dục ý thức cho thuyền viên cũng như chỉ ra cho sinh viên những ưu điểm và mặt còn tồn tại để họ tiếp tục học tập rèn luyện nâng cao hay cải thiện khả năng.

Nhóm tác giả sau khi hoàn thiện đề tài xin đề xuất một phương án cho việc xây dựng đề thi cho học phần này như sau: xây dựng đề thi không hạn chế về năng lực hay đề thi chỉ giới hạn về thời gian làm bài mà không đề ra mức để người học trung bình cũng có thể thi qua. Qua đó có thể phân loại được sinh viên theo hướng: sinh viên khá giỏi có khả năng làm được số lượng câu hỏi nhiều hơn sinh viên trung bình và yếu kém. Phương án này được áp dụng phổ biến và được biết đến trong việc phân loại người học ngoại ngữ (chứng chỉ TOEFL, IELTS, GRE...).

- Cũng xin đề nghị Nhà trường và Khoa Hàng hải tạo điều kiện hơn nữa cho sinh viên đi thực tập để các em có điều kiện tiếp xúc với môi trường hàng hải hiện đại, tương lai có khả năng phục vụ đất nước tốt hơn nữa.

Cuối cùng, xin cảm ơn các cá nhân đã giúp đỡ nhóm tác giả trong quá trình xây dựng bộ câu hỏi này. Đó là sự đóng góp từ các đồng nghiệp của bộ môn Cơ sở Hàng hải cũng như của bộ môn Hàng hải. Xin chân thành cảm ơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thanh Sơn (2005). *An toàn lao động hàng hải*, NXB ĐH Hàng hải.
2. Mạng lưới các trường đại học khối ASEAN - AUN (2011), *AUN-QA*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
4. Maritime Coastguard Agency (2010). *Code of Safe Working Practices For Merchant Seamen (consolidate version)*, The Station Office, UK
5. Bloom B.S., Madaus G.F & Hasting J.T. (1971). *Evaluation to improve learning* (2nd copyright 1981), McGraw – Hill Book Company, New York.
6. Trần Kiều và A.J.Nitko (2006). *Tài liệu tập huấn Đánh giá chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục trung học cơ sở*, Dự án Giáo dục Trung học cơ sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo.